

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2024/HS-ST.
Ngày 26/6/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Như Trang.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: tổ dân phố A, thị trấn K, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn P, đã chết và bà Hà Thị B; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; chồng anh Đặng Văn N; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh ngày 05/3/2024; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 30/2021/HS-ST ngày 08/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 06 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Nguyễn Thị H được hoãn chấp hành án phạt tù do nuôi con dưới 36 tháng tuổi; chưa nộp tiền án phí hình sự.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

* *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982. (có mặt)

Nơi cư trú: thôn G, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

* *Người làm chứng*: - Anh Nguyễn Thành K, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 05, ngõ 78, đường H, tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Anh Đặng Văn N, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 5/2017, Nguyễn Thị H, liên hệ với một tài khoản facebook là “Ha Phuong” đặt làm một “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn khác gắn liền với đất số CC 108572 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 07/3/2020, thửa đất số 432, tờ bản đồ số 19, diện tích 84,9m² tại khu Văn Khôi, thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương mang tên ông Đặng Văn N, sinh năm 1980, CMND số 151542166, địa chỉ thường trú xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, CCCD số 034186007831, địa chỉ thường trú thị trấn T, huyện K, tỉnh Thái Bình” mục đích khi cần thì sử dụng.

Ngày 02/3/2020, do cần tiền chi tiêu cá nhân, H liên lạc với anh Nguyễn Thành K, sinh năm 1984, cư trú tại số nhà 05, ngõ 78, đường Hoàng Văn T, tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình - là nhân viên ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Kiến Xương (*H có quen biết từ trước với anh K vì là khách hàng vay vốn*) để nhờ anh K vay hộ số tiền 120.000.000 đồng, anh K đồng ý. Anh K liên lạc với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, cư trú tại thôn G, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình (*là bạn của anh K từ trước qua quan hệ khách hàng với ngân hàng*) để hỏi vay số tiền 120.000.000 đồng cho H. Do tin tưởng anh K nên anh T đồng ý cho H vay số tiền 120.000.000 đồng mà không cần thế chấp tài sản và không lấy lãi suất. Sau đó anh K cung cấp số tài khoản 106819868888 ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam mang tên Nguyễn Thị H cho anh T. Anh T chuyển số tiền 120.000.000 đồng từ tài khoản số 101869996431 ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam mang tên Nguyễn Văn T đến số tài khoản của H. Số tiền này H đã sử dụng, chi tiêu cá nhân hết, không đưa cho anh K khoản tiền nào và không sử dụng số tiền này vào mục đích bất hợp pháp.

Đến ngày 07/4/2020, H liên lạc với anh K hỏi vay tiền nhưng anh K không có tiền cho vay nên đã cho số điện thoại của anh T để H liên lạc với anh

T vay tiền. H hỏi vay thêm số tiền 120.000.000 đồng, anh T nói với H là phải có tài sản thế chấp, H đồng ý và nói có giấy chứng nhận thửa đất ở thị trấn Kiến Xương để anh T tin tưởng. Thấy H có tài sản thế chấp nên anh T đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, anh T đi đến chỗ ở của H tại tổ dân phố Văn Khôi, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình. Tại đây, H đưa cho anh T tờ giấy ghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 108572 mang tên Đặng Văn N và Nguyễn Thị H (giấy mà H đã đặt làm trên Facebook trước đó) để anh T tin tưởng là H có tài sản và có điều kiện khả năng thanh toán nợ cho anh T đồng thời cam kết sẽ thanh toán nên anh T đồng ý đưa cho H vay thêm số tiền 120.000.000 đồng, không lấy lãi suất. Anh T yêu cầu Hải viết giấy xác nhận gộp cả số tiền anh Thọ đã chuyển khoản cho H vay trước đó là tổng số tiền 240.000.000 đồng. H đồng ý và cam kết trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 07/4/2020 H sẽ thanh toán số tiền trên cho anh T, nếu đến hạn H không thanh toán cho anh T thì H hoàn toàn chịu trách nhiệm. H đưa Giấy chứng nhận số CC 108572 giả, giấy xác nhận cho anh T giữ và nhận số tiền 120.000.000 đồng của anh T. Số tiền này H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến thời hạn cam kết, anh T không thấy H trả tiền và không liên lạc được với H. Đến ngày 15/3/2023, do không có tiền thanh toán cho anh T, H đã viết Giấy hẹn thanh toán tiền cho anh T vào ngày 25/4/2023 đồng thời H cho anh T biết Giấy chứng nhận số CC 108572 mang tên H và anh N là giả. Đến ngày 25/4/2023 H không thanh toán số tiền trên cho anh T. Ngày 25/10/2023, anh T gửi đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Thị H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình.

Kết luận giám định số 1632/KL-KTHS ngày 07/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CC 108572. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất ông Đặng Văn N, năm sinh 1980; CMND số: 151542166; Địa chỉ thường trú xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; bà Nguyễn Thị H; năm sinh 1986, CCCD số: 034186007831; Địa chỉ thị trấn T, huyện K, tỉnh Thái Bình cần giám định ký hiệu A là giả.

Ngày 14/6/2024, Nguyễn Thị H chuyển tiền trả lại anh Nguyễn Thành K số tiền 20.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 29/CT - VKSKX ngày 12/4/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại

điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt hai tội bị cáo phải chịu 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù cho hai tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Tổng hợp hình phạt 06 năm tù tại Bản án số 30/2021/HS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Buộc bị cáo phải chịu 11 năm 06 tháng tù đến 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về vật chứng: Tiếp tục quản lý 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 108572 ghi ngày 07/3/2020 để lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Trả lại anh Nguyễn Văn T tài liệu bản gốc giấy hẹn thanh toán tiền lưu theo hồ sơ vụ án của Nguyễn Thị Hải đề ngày 15/3/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, cư trú tại thôn G, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo đang nuôi con nhỏ.

Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do cần tiền chi tiêu cá nhân, ngày 07/4/2020, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là giấy tờ giả để cam kết vay của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, cư trú tại thôn G, xã Q, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình số tiền 120.000.000 đồng sau đó chiếm đoạt, phục vụ nhu cầu của bản thân. Đến nay bị cáo không trả tiền cho anh T. Lời khai của bị cáo phù hợp với đơn tố cáo và lời khai của bị hại là anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, cư trú tại thôn G, xã Q, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 1632/KL-KTHS ngày 07/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cần giám định ký hiệu A là giả; Lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Thành K, sinh năm 1984, cư trú tại số nhà 05, ngõ 78, đường Hoàng Văn T, tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình và còn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ căn cứ nêu trên hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm vào tội: về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 341: Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp

luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a)

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)

c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[4] Hành vi làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã xâm phạm đến hoạt động đứng đắn bình thường của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng pháp luật.

[4.1] Hành vi dung thủ đoạn gian dối Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng chiếm đoạt ngày 07/4/2020 của anh Nguyễn Văn T phục vụ nhu cầu của bản thân. Hành vi này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, cần phải xử lý kịp thời và có một hình phạt nghiêm khắc đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi

đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo, có tác dụng giáo dục đối với bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tại phiên toà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương rút đề nghị trong Cáo trạng về tình tiết tăng nặng trách nhiệm cho bị cáo theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự vì hành vi trước đó ngày 28/02/2020 bị cáo có hành vi làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và bị xét xử tại bản án số 30/2021/HS-ST ngày 08/6/2021. Ngày 07/4/2020 lại phạm tội và bị xét xử lần này không coi là tái phạm theo Điều 53 Bộ luật hình sự. Đối với việc Viện kiểm sát viên rút truy tố bị cáo về tình tiết tăng nặng trách nhiệm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên toà cũng như tại giai đoạn điều tra bị cáo thành khẩn khai báo do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngày 14/6/2024, bị cáo chuyển tiền trả lại Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, hiện đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Về tổng hợp hình phạt: Tại Bản án số 30/2021/HS-ST ngày 08/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 06 năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức chưa chấp hành án, được hoãn chấp hành án phạt tù do nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự quy định: Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật hình sự. Do đó cần phải tổng hợp hình phạt của lần xét xử này và hình phạt của bản án số 30/2021/HS-ST ngày 08/6/2021.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả là chứng cứ của vụ án, cần quản lý lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, anh Nguyễn Văn T đề nghị Nguyễn Thị H trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã chiếm đoạt ngày 07/4/2020 và số tiền 120.000.000 đồng H vay anh T ngày 02/3/2020, tổng số tiền là 220.000.000 đồng. Đối với số tiền bị cáo H vay của anh Nguyễn Văn T ngày

02/3/2020 chưa trả là thoả thuận trong giao dịch dân sự, anh T có quyền khởi kiện vụ án giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết khoản tiền ngày 02/3/2020 trong vụ án hình sự xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Nay cần trả lại anh Nguyễn Văn T tài liệu bản gốc giấy hẹn thanh toán tiền của Nguyễn Thị H đề ngày 15/3/2023.

[10.1] Đối với số tiền 120.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T ngày 07/4/2020 bị truy tố, xét xử, Ngày 14/6/2024, bị cáo chuyển tiền trả lại anh Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả. Nay cần buộc bị cáo phải trả lại anh T số tiền bị cáo chiếm đoạt còn lại là 100.000.000 đồng.

[11] Đối với Đặng Văn N là chồng bị cáo và là người có tên trong giấy tờ giả, qua xác minh anh N không biết gì về việc vay mượn tiền giữa bị cáo H và anh Nguyễn Văn T và hành vi bị cáo làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy Cơ quan Điều tra không xử lý là có căn cứ.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 30; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: - Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (ba) năm về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Tổng hợp hình phạt hai tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 07 (bảy) năm tù.

- Tổng hợp hình phạt 06 năm tù tại Bản án số 30/2021/HS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Buộc bị cáo phải chịu 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về vật chứng: - Tiếp tục quản lý 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 108572 ghi ngày 07/3/2020

để lưu trữ trong hồ sơ vụ án. (Kết luận giám định số 1632/KL-KTHS ngày 07/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là giả).

- Trả lại anh Nguyễn Văn T tài liệu bản gốc giấy hẹn thanh toán tiền lưu theo hồ sơ vụ án của Nguyễn Thị H đề ngày 15/3/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, cư trú tại thôn G, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị H, bị hại anh Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Kiến Xương;
- THAHS huyện Kiến Xương;
- THADS huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Anh Tuấn